

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án Cụm công nghiệp Đình Lập (lần 9)

(Kèm theo Quyết định số: 1028/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

S T T	Họ tên hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ thường trú	Hỗ trợ		Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (Đồng)	Ghi chú
			Ỗn định đời sống	Ỗn định đời sống đối với các hộ nhận giao khoán đất		
1	2	3	4	5	6	7
LÀM TRÒN					990.090.000	
TỔNG CỘNG			967.860.000	22.230.000	990.090.000	
1	Hộ bà Hoàng Thị Thu, chồng Nguyễn Thanh Sao	Thôn 8, xã Đình Lập	23.940.000		23.940.000	
2	Hộ bà Hoàng Bích Liên, chồng Đào Duy Nho	Thôn 8, xã Đình Lập	41.040.000		41.040.000	
3	Hộ ông Hoàng Minh Liêm, vợ Nông Thị Oanh	Thôn 1, xã Đình Lập	23.940.000		23.940.000	
4	Hộ bà Hoàng Thị Khiêm	Thôn 8, xã Đình Lập	47.880.000		47.880.000	
5	Hộ bà Vi Thị Tới	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	20.520.000		20.520.000	
6	Hộ ông Hoàng Văn Quang, vợ Vi Thị Vân	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	34.200.000		34.200.000	
7	Hộ ông Bùi Văn Nghiêm, vợ Vi Thị Huệ	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	17.100.000		17.100.000	
8	Hộ bà La Thị Thơm	Thôn Phật Chi, xã Đình Lập	17.100.000		17.100.000	
9	Hộ ông Vi Văn Bằng, vợ Bùi Thị Thêm	Thôn Phật Chi, xã Đình Lập	34.200.000		34.200.000	
10	Hộ bà: Hoàng Thị Phó	Thôn Phật Chi, xã Đình Lập	13.680.000		13.680.000	
11	Hộ ông Mai Hùng Dũng, vợ Nguyễn Thị Huyền	Thôn 3, xã Đình Lập	10.260.000		10.260.000	
12	Hộ ông: Bé Văn Đài, vợ Mã Thị Thu	Thôn 3, xã Đình Lập	17.100.000		17.100.000	
13	Hộ bà Trương Thị Nhu	Thôn 4, xã Đình Lập	20.520.000		20.520.000	
14	Hộ ông Nông Minh Nam, vợ Vi Thị Nương	Thôn 3, xã Đình Lập	41.040.000		41.040.000	

15	Hộ ông Hoàng Văn SLầu, vợ Vi Thị Vượng	Thôn Nà U, xã Lợi Bác	47.880.000		47.880.000	
16	Hộ ông Đường Hồng Hạnh, vợ Hoàng Thị Thím	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	27.360.000		27.360.000	
17	Hộ bà Nông Thị Hồng	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	13.680.000		13.680.000	
18	Hộ bà Hoàng Thị Bẩy	Thôn 4, xã Đình Lập	13.680.000		13.680.000	
19	Hộ bà Vi Thị Gái (cùng hộ Hà Trường Sơn)	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	20.520.000		20.520.000	
20	Hộ ông Sái Văn Thành, vợ Bế Thị Hoa (cùng hộ Vi Thị Tô)	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	17.100.000		17.100.000	
21	Hộ ông Vi Văn Thành, vợ Sái Thị Minh	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	13.680.000		13.680.000	
22	Hộ ông Hộ ông Phương Văn Ngọc, Vợ Chu Thị Nhật	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	34.200.000		34.200.000	
23	Hộ ông Lý Thế Vũ, vợ Nguyễn Thị Hiền	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	27.360.000		27.360.000	
24	Hộ ông Hoàng Thanh Bích, vợ Đường Thị Hằng	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	27.360.000		27.360.000	
25	Hộ bà Nguyễn Thị Minh (cùng hộ Lý Bá Truyền	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	34.200.000		34.200.000	
26	Hộ ông Nông Quang Chúc, vợ Hà Thị Tuyết	Thôn 4, xã Đình Lập	10.260.000		10.260.000	
27	Hộ ông Lý Văn Loan, vợ Hà Thuý Liêm	Thôn 1, xã Đình Lập	27.360.000		27.360.000	
28	Hộ bà Lý Ánh Kim	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	17.100.000		17.100.000	
29	Hộ ông Lý Quốc Hưng, vợ Vi Thị Pháp	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	47.880.000		47.880.000	
30	Hộ ông Lý Văn Chèo, vợ Vi Thị Tuấn	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	30.780.000		30.780.000	
31	Hộ bà Vi Thị Bằng	Thôn 3, xã Đình Lập	54.720.000		54.720.000	
32	Hộ ông Vi Văn Đồng	Thôn 3, xã Đình Lập	27.360.000		27.360.000	
33	Hộ ông Lại Vĩnh Thái, vợ Lìu Thị Ngọc	Thôn Phật Chi, xã Đình Lập	20.520.000		20.520.000	
34	Hộ bà Trần Thị Hòa	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	20.520.000		20.520.000	

35	Hộ ông Hoàng Phi Dũng, vợ Sầm Thị Hải	Thôn 8, xã Đình Lập	20.520.000		20.520.000	
36	Hộ ông Lý Huân, vợ Nông Thị Dung	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	20.520.000		20.520.000	
37	Hộ ông Đỗ Minh Tuấn, vợ Vi Thị Tân	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	30.780.000		30.780.000	
38	Hộ bà Ninh Thị Bình	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập		1.710.000	1.710.000	
39	Hộ ông Hoàng Văn Sự vợ Bế Thị Tươi	Thôn 3, xã Đình Lập		3.420.000	3.420.000	
40	Hộ ông Hoàng Văn Quang	Thôn 3, xã Đình Lập		5.130.000	5.130.000	
41	Hộ ông Hoàng Văn Yên, vợ Bế Thị Nháy	Thôn 3, xã Đình Lập		11.970.000	11.970.000	

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG
Dự án Cụm công nghiệp Đình Lập (lần 9)
(Kèm theo Quyết định số: 1028/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

STT	Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất thu hồi	Diện tích đất đang sử dụng tại xã Đình Lập	Diện tích đất đang sử dụng tại thị trấn Đình Lập cũ (nay là xã Đình Lập)	Tổng diện tích đang sử dụng	Tỷ lệ % mất đất nông nghiệp theo xác nhận của UBND xã Đình Lập	Khung tỷ lệ %	Tổng số nhân khẩu của hộ gia đình (người)	Mức hỗ trợ (kg gạo/1 người/ 1 tháng)	Thời gian thực hiện hỗ trợ (tháng)	Đơn giá gạo tẻ (đồng/1 kg)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 = 7x8x9x10	D
	Cộng tổng												967.860.000	
1	Hộ bà Hoàng Thị Thu, chồng Nguyễn Thanh Sao	Thôn 8, xã Đình Lập	853,1	1.949,8	200,9	2.150,7	39,67%	Từ 30-70%	7	30	6	19.000	23.940.000	
2	Hộ bà Hoàng Bích Liên, chồng Đào Duy Nho	Thôn 8, xã Đình Lập	1.074,7	1.394,9		1.394,9	77,04%	Trên 70%	6	30	12	19.000	41.040.000	
3	Hộ ông Hoàng Minh Liêm, vợ Nông Thị Oanh	Thôn 1, xã Đình Lập	1.662,4	3.268,5		3.268,5	50,86%	Từ 30-70%	7	30	6	19.000	23.940.000	
4	Hộ bà Hoàng Thị Khiêm	Thôn 8, xã Đình Lập	1.803,9	2.448,5	178,9	2.627,4	68,66%	Từ 30-70%	7	30	12	19.000	47.880.000	
5	Hộ bà Vi Thị Tới	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.534,3	2.982,0		2.982,0	51,45%	Từ 30-70%	6	30	6	19.000	20.520.000	
6	Hộ ông Hoàng Văn Quang, vợ Vi Thị Vân	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.292,1	1.509,5		1.509,5	85,60%	Trên 70%	5	30	12	19.000	34.200.000	
7	Hộ ông Bùi Văn Nghiêm, vợ Vi Thị Huệ	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.461,8	4.361,2		4.361,2	56,45%	Từ 30-70%	5	30	6	19.000	17.100.000	
8	Hộ bà La Thị Thơm	Thôn Phật Chi, xã Đình Lập	7.576,5	11.806,8		11.806,8	64,17%	Từ 30-70%	5	30	6	19.000	17.100.000	
9	Hộ ông Vi Văn Bằng, vợ Bùi Thị Thêm	Thôn Phật Chi, xã Đình Lập	6.576,4	7.964,7		7.964,7	82,57%	Trên 70%	5	30	12	19.000	34.200.000	
10	Hộ bà: Hoàng Thị Phó	Thôn Phật Chi, xã Đình Lập	2.706,4	4.957,6		4.957,6	54,59%	Từ 30-70%	4	30	6	19.000	13.680.000	
11	Hộ ông Mai Hùng Dũng, vợ Nguyễn Thị Huyền	Thôn 3, xã Đình Lập	388,2	413,9	399,3	813,2	47,74%	Từ 30-70%	3	30	6	19.000	10.260.000	
12	Hộ ông: Bế Văn Đài, vợ Mã Thị Thu	Thôn 3, xã Đình Lập	6.481,5	6.527,4	5.672,0	12.199,4	53,13%	Từ 30-70%	5	30	6	19.000	17.100.000	
13	Hộ bà Trương Thị Nhu	Thôn 4, xã Đình Lập	448,6	448,6		448,6	100,00%	Trên 70%	3	30	12	19.000	20.520.000	
14	Hộ ông Nông Minh Nam, vợ Vi Thị Nương	Thôn 3, xã Đình Lập	2.119,1	2.119,1		2.119,1	100,00%	Trên 70%	6	30	12	19.000	41.040.000	

STT	Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất thu hồi	Diện tích đất đang sử dụng tại xã Đình Lập	Diện tích đất đang sử dụng tại thị trấn Đình Lập cũ (nay là xã Đình Lập)	Tổng diện tích đang sử dụng	Tỷ lệ % mất đất nông nghiệp theo xác nhận của UBND xã Đình Lập	Khung tỷ lệ %	Tổng số nhân khẩu của hộ gia đình (người)	Mức hỗ trợ (kg gạo/1 người/ 1 tháng)	Thời gian thực hiện hỗ trợ (tháng)	Đơn giá gạo tẻ (đồng/1 kg)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
15	Hộ ông Hoàng Văn SLầu, vợ Vi Thị Vượng	Thôn Nà U, xã Lợi Bắc	2.226,2	2.226,2		2.226,2	100,00%	Trên 70%	7	30	12	19.000	47.880.000	
16	Hộ ông Đường Hồng Hạnh, vợ Hoàng Thị Thím	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.497,4	2.728,6		2.728,6	91,53%	Trên 70%	4	30	12	19.000	27.360.000	
17	Hộ bà Nông Thị Hồng	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.032,2	1.032,2		1.032,2	100,00%	Trên 70%	2	30	12	19.000	13.680.000	
18	Hộ bà Hoàng Thị Bảy	Thôn 4, xã Đình Lập	2.817,8	4.272,4	1.961,8	6.234,2	45,20%	Từ 30-70%	4	30	6	19.000	13.680.000	
19	Hộ bà Vi Thị Gái (cùng hộ Hà Trường Sơn)	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	4.115,4	9.723,8		9.723,8	42,32%	Từ 30-70%	6	30	6	19.000	20.520.000	
20	Hộ ông Sái Văn Thành, vợ Bế Thị Hoa (cùng hộ Vi Thị Tô)	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.862,0	2.416,2		2.416,2	77,06%	Trên 70%	5	30	6	19.000	17.100.000	
21	Hộ ông Vi Văn Thành, vợ Sái Thị Minh	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	893,2	2.190,2		2.190,2	40,78%	Từ 30-70%	4	30	6	19.000	13.680.000	
22	Hộ ông Hộ ông Phương Văn Ngoc, Vợ Chu Thị Nhật	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.930,3	3.502,0		3.502,0	83,68%	Trên 70%	5	30	12	19.000	34.200.000	
23	Hộ ông Lý Thế Vũ, vợ Nguyễn Thị Hiền	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.825,0	3.376,6		3.376,6	83,66%	Trên 70%	4	30	12	19.000	27.360.000	
24	Hộ ông Hoàng Thanh Bích, vợ Đường Thị Hằng	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.942,7	1.942,7		1.942,7	100,00%	Trên 70%	4	30	12	19.000	27.360.000	
25	Hộ bà Nguyễn Thị Minh (cùng hộ Lý Bá Truyền	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	6.787,3	8.856,0		8.856,0	76,64%	Trên 70%	5	30	12	19.000	34.200.000	Gồm diện tích thu hồi của ông Lý Bá Truyền
26	Hộ ông Nông Quang Chúc, vợ Hà Thị Tuyết	Thôn 4, xã Đình Lập	114,5	260,4		260,4	43,97%	Từ 30-70%	3	30	6	19.000	10.260.000	
27	Hộ ông Lý Văn Loan, vợ Hà Thuý Liêm	Thôn 1, xã Đình Lập	205,7	237,0		237,0	86,79%	Trên 70%	4	30	12	19.000	27.360.000	
28	Hộ bà Lý Ánh Kim	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.125,8	4.145,8		4.145,8	51,28%	Từ 30-70%	5	30	6	19.000	17.100.000	
29	Hộ ông Lý Quốc Hưng, vợ Vi Thị Pháp	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	4.071,6	4.584,3		4.584,3	88,82%	Trên 70%	7	30	12	19.000	47.880.000	
30	Hộ ông Lý Văn Chèo, vợ Vi Thị Tuấn	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.541,3	5.633,3		5.633,3	45,11%	Từ 30-70%	9	30	6	19.000	30.780.000	
31	Hộ bà Vi Thị Bằng	Thôn 3, xã Đình Lập	1.245,0	1.245,0	179,4	1.424,4	87,41%	Trên 70%	8	30	12	19.000	54.720.000	

STT	Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất thu hồi	Diện tích đất đang sử dụng tại xã Đình Lập	Diện tích đất đang sử dụng tại thị trấn Đình Lập cũ (nay là xã Đình Lập)	Tổng diện tích đang sử dụng	Tỷ lệ % mất đất nông nghiệp theo xác nhận của UBND xã Đình Lập	Khung tỷ lệ %	Tổng số nhân khẩu của hộ gia đình (người)	Mức hỗ trợ (kg gạo/1 người/ 1 tháng)	Thời gian thực hiện hỗ trợ (tháng)	Đơn giá gạo tẻ (đồng/1 kg)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
32	Hộ ông Vi Văn Đồng	Thôn 3, xã Đình Lập	3.466,0	4.659,0		4.659,0	74,39%	Trên 70%	4	30	12	19.000	27.360.000	
33	Hộ ông Lại Vĩnh Thái, vợ Liu Thị Ngọc	Thôn Phật Chi, xã Đình Lập	1.359,8	1.359,8		1.359,8	100,00%	Trên 70%	3	30	12	19.000	20.520.000	
34	Hộ bà Trần Thị Hòa	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.572,8	3.886,2		3.886,2	40,47%	Từ 30-70%	6	30	6	19.000	20.520.000	
35	Hộ ông Hoàng Phi Dũng, vợ Sầm Thị Hải	Thôn 8, xã Đình Lập	1.536,2	4.463,1		4.463,1	34,42%	Từ 30-70%	6	30	6	19.000	20.520.000	
36	Hộ ông Lý Huân, vợ Nông Thị Dung	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.185,4	4.249,5		4.249,5	51,43%	Từ 30-70%	6	30	6	19.000	20.520.000	
37	Hộ ông Đỗ Minh Tuấn, vợ Vi Thị Tân	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	5.960,6	10.461,2		10.461,2	56,98%	Từ 30-70%	9	30	6	19.000	30.780.000	

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG ĐỐI VỚI CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
NHẬN GIAO KHOẢN ĐẤT TỪ CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐÌNH LẬP

Dự án Cụm công nghiệp Đình Lập (lần 9)

(Kèm theo Quyết định số: 1028/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

STT	Hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú	Hợp đồng giao khoán	Tổng số nhân khẩu của hộ gia đình (người)	Mức hỗ trợ (Kg gạo/1 người/ tháng)	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Đơn giá gạo (Đồng/kg)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
A	B	C	D	1	2	3	4	D = 1x2x3x4	E
	Cộng tổng							22.230.000	
1	Hộ bà Ninh Thị Bình	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	Hợp đồng số 34/HĐ/KT ngày 25/5/2006 về việc nhận đất trồng trong vùng quy hoạch của lâm trường Đình Lập để trồng rừng dự án 327.	1	30	3	19.000	1.710.000	
2	Hộ ông Hoàng Văn Sự vợ Bế Thị Tươi	Thôn 3, xã Đình Lập	Hợp đồng số 40/HĐ/KT ngày 25/5/2006 về việc nhận đất trồng trong vùng quy hoạch của lâm trường Đình Lập để trồng rừng dự án 327	2	30	3	19.000	3.420.000	
3	Hộ ông Hoàng Văn Quang	Thôn 3, xã Đình Lập	Hợp đồng số 41/HĐ/KT ngày 25/5/2006 về việc nhận đất trồng trong vùng quy hoạch của lâm trường Đình Lập để trồng rừng dự án 327	3	30	3	19.000	5.130.000	
4	Hộ ông Hoàng Văn Yên, vợ Bế Thị Nháy	Thôn 3, xã Đình Lập	hợp đồng số 42/HĐ/KT ngày 25/5/2006 về việc nhận đất trồng trong vùng quy hoạch của lâm trường Đình Lập để trồng rừng dự án 327.	7	30	3	19.000	11.970.000	

Phụ lục III

CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án Cụm công nghiệp Đình Lập (lần 9)

(Kèm theo Quyết định số: 1028/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất thu hồi	Diện tích đất đang sử dụng tại xã Đình Lập	Diện tích đất đang sử dụng tại thị trấn Đình Lập cũ (nay là xã Đình Lập)	Tổng diện tích đang sử dụng	Tỷ lệ % mất đất nông nghiệp theo xác nhận của UBND xã Đình Lập	Khung tỷ lệ %	Tổng số nhân khẩu của hộ gia đình (người)	Mức hỗ trợ (kg gạo/1 người/ 1 tháng	Thời gian thực hiện hỗ trợ (tháng)	Đơn giá gạo tẻ (đồng/1 kg)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	D
1	Hộ ông Hoàng Văn Vinh, vợ Hoàng Thị Toàn	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	797,3	3.698,2		3.698,2	21,56%	Dưới 30%	4	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		
2	Hộ ông Nông Xuân Tứ, vợ Bế Thị Niên	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	3.193,0	18.020,8		18.020,8	17,72%	Dưới 30%	8	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		Gồm diện tích thu hồi Nông Hồng Tuấn
3	Hộ ông Lý Hoàng Chung	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	438,9	2.070,2		2.070,2	21,20%	Dưới 30%	3	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		
4	Hộ ông Lý Tuấn Đạt, vợ Mã Thị Sen	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.509,0	9.745,8		9.745,8	25,74%	Dưới 30%	5	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		
5	Hộ ông Vi Văn Thảo, vợ Nông Thị Phương	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	314,7	48.805,6		48.805,6	0,64%	Dưới 30%	6	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		
6	Hộ ông Vi Văn Hậu, vợ Vi Thị Lưu	Thôn Khe Vuông, xã Đình Lập	1.020,5	5.334,1		5.334,1	19,13%	Dưới 30%	4	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		
7	Hộ ông Vi Đức Thắng	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.462,3	12.087,5		12.087,5	12,10%	Dưới 30%	5	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		
8	Hộ bà Hồ Thị Thu	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.596,0	10.489,7		10.489,7	15,21%	Dưới 30%	4	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		
9	Hộ ông Lý Văn Bẩy, vợ Hoàng Thị Tư	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	327,4	2.901,1		2.901,1	11,29%	Dưới 30%	3	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		
10	Hộ bà Vi Thị Ninh	Thôn Phật Chỉ, xã Đình Lập	493,1	2.625,6		2.625,6	18,78%	Dưới 30%	5	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		
11	Hộ ông Lành Văn Cò, vợ Lầu Thị Váy	Thôn Phật Chỉ, xã Đình Lập	5,3	211,4		211,4	2,51%	Dưới 30%	6	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ		

12	Hộ ông Nguyễn Anh Tuấn, vợ Nguyễn Thị Lý	Thôn 7, xã Đình Lập	53,2	202,7	12519,1	12.721,8	0,42%	Dưới 30%	5	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
13	Hộ bà Bé Thị Ánh	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	165,7	1.252,3		1.252,3	13,23%	Dưới 30%	5	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
14	Hộ ông Vi Thanh Thùy	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	774,1	2.863,4		2.863,4	27,03%	Dưới 30%	4	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
15	Hộ ông Phương Văn Cát, vợ Bé Thị Ngân	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.213,3	8.384,5		8.384,5	26,40%	Dưới 30%	6	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
16	Hộ ông Trần Hữu Khương, vợ Lý Thị Lùng	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.852,7	13.738,1		13.738,1	13,49%	Dưới 30%	6	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
17	Hộ bà Lý Thị Long, chồng Hoàng Văn Lý	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	320,2	2.323,0		2.323,0	13,78%	Dưới 30%	6	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
18	Hộ ông Lý Tiến Bộ, vợ Hoàng Thị Huệ	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.133,7	15.478,5		15.478,5	7,32%	Dưới 30%	5	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
19	Hô bà Tô Thị Thuỷ	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.843,0	10.750,8		10.750,8	17,14%	Dưới 30%	2	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
20	Hộ ông Mai Xuân Tú, vợ Lành Thị Đoan	Thôn 3, xã Đình Lập	54,6	4.706,5		4.706,5	1,16%	Dưới 30%	5	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
21	Hộ bà Hà Thị Phương Mai, chồng Lý Bá Hội	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	4.170,8	18.656,6		18.656,6	22,36%	Dưới 30%	8		Không đủ điều kiện hỗ trợ	bao gồm diện tích thu hồi Lý Bá Thụ do cùng hộ
21,1	<i>Hộ bà Hà Thị Phương Mai, chồng Lý Bá Hội</i>	<i>Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập</i>	<i>1.563,9</i>	<i>1.563,9</i>		<i>1.563,9</i>						
21,2	<i>Hộ ông Lý Bá Thụ, vợ Trần Thị Thút</i>	<i>Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập</i>	<i>2.606,9</i>	<i>17.092,7</i>		<i>17.092,7</i>						
22	Hộ bà Lý Thị Minh Hiến	Thôn Bản Xả, xã Bính Xá	130,8	4.430,0		4.430,0	2,95%	Dưới 30%	5	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
23	Hộ bà Dương Thị Lệ	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	288,0	9.700,0		9.700,0	2,97%	Dưới 30%	3	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
24	Hộ bà Ninh Thị Bình	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	1.942,3	12.883,4		12.883,4	15,08%	Dưới 30%	2		Không đủ điều kiện hỗ trợ	

25	Hộ bà Lý Thị Kiên	Thôn Phật Chỉ, xã Đình Lập	127,2	1.070,4		1.070,4	11,88%	Dưới 30%	6	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
26	Hộ bà Phương Thị Hanh	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	933,5	10.310,4		10.310,4	9,05%	Dưới 30%	4	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
27	Hộ ông Vi Văn Điệp, vợ Phan Thị Thành	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	2.285,5	20.903,2		20.903,2	10,93%	Dưới 30%	7	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
28	Hộ ông Vi Văn Dũng, vợ Sầm Thị Hiến	Thôn Phật Chỉ, xã Đình Lập	1.605,0	7.602,6		7.602,6	21,11%	Dưới 30%	4		Không đủ điều kiện hỗ trợ	
29	Hộ ông Nông Văn Nhân, vợ Mã Thị Ngân	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	231,8	1.738,7		1.738,7	13,33%	Dưới 30%		30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
30	Hộ ông Vi Đình Thu, vợ Nguyễn Thị Vịnh	Thôn Phật Chỉ, xã Đình Lập	191,5	1.924,4		1.924,4	9,95%	Dưới 30%	5	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
31	Hộ bà Vi Thị Hoài	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập	148,0	8.575,9		8.575,9	1,73%	Dưới 30%	4	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	
32	Hộ bà Trần Thị Hồng	Thôn Phật Chỉ, xã Đình Lập	80,3	1.678,7		1.678,7	4,78%	Dưới 30%	8	30	Không đủ điều kiện hỗ trợ	